

NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CHO SINH VIÊN - TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT ĐÀ NẴNG

ThS. Nguyễn Thị Mỹ Nga

Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng

Email: mynga69@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành (TACN) cho sinh viên (SV) Trường Đại học Thể dục Thể thao (TĐTT) Đà Nẵng, từ đó đề xuất và thực nghiệm giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy. Dữ liệu được thu thập từ 300 SV và 7 giảng viên (GV) dạy tiếng Anh (TA). Ngoài ra, nghiên cứu phỏng vấn sâu 10 GV, 5 cán bộ quản lý và 3 chuyên gia để phân tích đa chiều.

Kết quả khảo sát cho thấy SV gặp khó khăn chủ yếu ở vốn từ vựng chuyên ngành (72%), kỹ năng nghe – nói (68%), thiếu cơ hội giao tiếp chuyên ngành bằng TA (75%) và hạn chế trong khả năng tự học TACN (57%). Nguyên nhân chính xuất phát từ: (1) chương trình đào tạo và học liệu chưa phù hợp đặc thù ngành; (2) phương pháp (PP) giảng dạy còn thiên về dịch – giải thích, ít ứng dụng PP hiện đại; (3) đội ngũ GV chưa được tập huấn sâu về TACN; và (4) môi trường học tập thiếu tính thực tiễn.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất áp dụng PP dạy học dựa trên nhiệm vụ (Task-Based Learning – TBL) kết hợp với tài liệu TACN được biên soạn phù hợp với bối cảnh TĐTT. Kết quả thực nghiệm với hai nhóm (thực nghiệm và đối chứng) cho thấy PP này cải thiện rõ rệt năng lực giao tiếp chuyên ngành, tăng tính chủ động học tập và nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Từ khóa: *tiếng Anh chuyên ngành, phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ, giáo dục thể thao, phương pháp giảng dạy, Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng.*

Abstract: This study aims to assess the current situation of teaching English for Specific Purposes (ESP) to students at Da Nang University of Sports and Physical Education, and to propose and implement solutions to improve teaching effectiveness. Data were collected from 300 students and 7 English lecturers. In addition, 10 lecturers, 5 administrators, and 3 experts were interviewed to provide multi-dimensional insights.

Survey results indicate that students face significant difficulties in specialized vocabulary (72%), listening and speaking skills (68%), limited opportunities for specialized communication in English (75%), and self-directed ESP learning (57%). The key influencing factors include: (1) a curriculum and materials not tailored to the specific needs of sports majors; (2) a predominance of translation-based teaching methods with limited use of modern approaches; (3) insufficient training of lecturers in ESP pedagogy; and (4) a lack of practical learning environments.

Based on these findings, the study proposes the application of Task-Based Learning (TBL) combined with ESP materials adapted to the sports context. Experimental results with two groups (experimental and control) demonstrate that this method significantly improves specialized communication skills, enhances learner autonomy, and increases teaching effectiveness.

Keywords: *English for Specific Purposes, Task-Based Learning, sports education, teaching methods, Da Nang University of Sports and Physical Education.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, TA đã trở thành công cụ không thể thiếu đối với SV các ngành, trong đó có lĩnh vực TĐTT. Tiếng Anh chuyên ngành không

chỉ giúp SV tiếp cận tài liệu, giáo trình, công trình nghiên cứu quốc tế mà còn mở ra cơ hội tham gia các khóa tập huấn, hội nghị, và sự kiện thể thao toàn cầu. Đặc biệt, trong thời đại mà các giải đấu, sự kiện thể thao quốc tế được tổ chức thường xuyên tại Việt Nam, khả năng giao tiếp và làm việc bằng tiếng Anh của SV ngành TDDT càng trở nên quan trọng.

Tuy nhiên, thực tiễn giảng dạy và học tập TACN tại Trường Đại học TDDT Đà Nẵng còn tồn tại nhiều hạn chế. Chương trình và tài liệu học tập chưa được thiết kế chuyên sâu cho từng chuyên ngành cụ thể; phương pháp giảng dạy vẫn thiên về dịch – giải thích, ít tạo điều kiện cho SV thực hành trong bối cảnh nghề nghiệp thực tế; SV chủ yếu học để vượt qua các kỳ thi chứ chưa chú trọng phát triển năng lực giao tiếp chuyên môn. Kết quả khảo sát ban đầu cho thấy đa số SV gặp khó khăn về vốn từ vựng chuyên ngành, kỹ năng nghe – nói, và thiếu môi trường thực hành TA.

Về phía GV, phần lớn chưa được đào tạo bài bản về PPGD TACN hiện đại, đặc biệt là các PP lấy người học làm trung tâm và gắn kết với tình huống nghề nghiệp. Trong khi đó, những đổi mới về PP như – *dạy học dựa trên nhiệm vụ* đã được chứng minh hiệu quả ở nhiều bối cảnh giáo dục nhưng chưa được áp dụng rộng rãi tại các cơ sở đào tạo TDDT ở Việt Nam.

Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá một cách toàn diện thực trạng giảng dạy TACN tại Trường Đại học TDDT Đà Nẵng, từ đó đề xuất và thực nghiệm áp dụng giải pháp giảng dạy mới dựa trên PP *dạy học dựa trên nhiệm vụ*, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng tốt hơn yêu cầu nghề nghiệp của SV trong thời kỳ hội nhập.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu kết hợp phương pháp định tính và định lượng:

- Định lượng: khảo sát 300 SV (bảng hỏi trắc nghiệm – Likert 5 mức) và 7 GV tiếng Anh.
- Định tính: phỏng vấn sâu 10 GV, 5 cán bộ quản lý và 3 chuyên gia trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành để làm rõ các yếu tố ảnh hưởng và kiểm chứng kết quả khảo sát.
- Thực nghiệm sư phạm: tiến hành với 120 sinh viên (2 nhóm: thực nghiệm và đối chứng, mỗi nhóm 60 SV) trong 10 tuần để so sánh hiệu quả của PP truyền thống và PP dạy học dựa trên nhiệm vụ.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thực trạng giảng dạy và học tập TACN

Để có được cái nhìn toàn diện và sâu sắc về thực trạng giảng dạy và học tập TACN tại Trường Đại học TDDT Đà Nẵng, tác giả đã tiến hành khảo sát SV bằng bảng hỏi, phỏng vấn và quan sát tại lớp học từ đó đưa ra các giải pháp có tính khả thi và hiệu quả.

Bảng 1. Thực trạng học tập TACN của sinh viên (n = 300)

TT	Nội dung khảo sát	N	(%)
1	Vốn từ vựng chuyên ngành hạn chế	216	72,0
2	Khó khăn khi học kỹ năng nghe - nói	204	68,0
3	Chưa tự tin thuyết trình/hướng dẫn bằng tiếng Anh	189	63,0
4	Khó khăn trong đọc hiểu tài liệu, sách báo nước ngoài	198	66,0
5	Ít cơ hội tham gia hoạt động giao tiếp chuyên ngành bằng TA	225	75,0
6	Chưa biết cách tự học và mở rộng kiến thức TACN	171	57,0

Bảng 2. Thực trạng giảng dạy TACN của giảng viên (n = 7)

TT	Nội dung khảo sát	N	(%)
1	Chưa được tập huấn sâu về PPGD TACN	4	57,1
2	Ít áp dụng PPGD hiện đại; như <i>dạy học dựa trên nhiệm vụ</i>	5	71,4
3	Giáo trình chủ yếu biên soạn giảng dạy chung, chưa sát thực tế phù hợp đặc thù từng chuyên ngành (GDTC, HLTT và Quản lý TDDT)	5	71,4
4	Chưa chủ động biên soạn hoặc điều chỉnh tài liệu phù hợp	4	57,1
5	Thiếu nguồn học liệu nghe – nói chuyên ngành TDDT	5	71,4
6	Thời lượng TACN trong chương trình chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn	6	85,7

Kết quả khảo sát cho thấy, SV gặp khó khăn không chỉ ở vốn từ chuyên ngành (72%) và kỹ năng nghe – hiểu (68%), mà còn ở khả năng thuyết trình/hướng dẫn bằng tiếng Anh (63%) và đọc hiểu tài liệu nghiên cứu nước ngoài (66%). Đặc biệt, 75% SV cho rằng họ ít có cơ hội tham gia hoạt động giao tiếp chuyên ngành bằng TA, và hơn một nửa (57%) chưa biết cách tự học, tự bồi dưỡng TACN.

Về phía GV, phần lớn chưa tập huấn sâu về PPGD hiện đại (57,1%), đặc biệt là PP *dạy học dựa trên nhiệm vụ*. Có tới 71,4% GV thừa nhận giáo trình chủ yếu là bản dịch, ít cập nhật thực tiễn TDDT Việt Nam, và thiếu học liệu nghe – nhìn chất lượng cao. Đáng chú ý, 85,7% GV cho rằng thời lượng TACN trong chương trình hiện tại chưa đáp ứng nhu cầu đào tạo.

Những số liệu này cho thấy vấn đề không chỉ nằm ở năng lực của SV mà còn liên quan đến hệ thống đào tạo, bao gồm chương trình học, tài liệu, PPGD, và môi trường học tập. Điều này đòi hỏi phải có giải pháp đồng bộ từ đổi mới PP, biên soạn tài liệu đến tăng cường cơ hội thực hành TA trong bối cảnh nghề nghiệp thực tế.

2. Giải pháp đề xuất

Dựa trên kết quả khảo sát thực trạng và phỏng vấn sâu, nghiên cứu đã đề xuất các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy TACN tại Trường Đại học TDDT Đà Nẵng. Đồng thời, các giải pháp này đã được đưa vào khảo sát mức độ đồng thuận của 7 GV, 5 cán bộ quản lý và 3 chuyên gia với mức độ đồng thuận theo thang đo Liket 5 [(1) = Hoàn toàn không đồng ý, (2) = Không đồng ý, (3) = Phân vân / Bình thường, (4) = Đồng ý và (5) = Hoàn toàn đồng ý]

Bảng 3. Mức độ đồng thuận với các giải pháp đề xuất (n = 15)

Giải pháp đề xuất	(1)/ %	(2)/ %	(3)/ %	(4)/ %	(5)/ %	Tỉ lệ đồng thuận %
1. Áp dụng phương pháp <i>dạy học dựa trên nhiệm vụ</i> để tăng tính chủ động và gắn với thực tiễn nghề nghiệp	0 (0)	0 (0)	1 (6,7)	6 (40)	8 (53,3)	93,3%
2. Biên soạn/bổ sung giáo trình TACN phù hợp đặc thù từng chuyên ngành (GDTC, HLTT và Quản lý TDDT)	0 (0)	1 (6,7)	2 (13,3)	7 (46,7)	5 (33,3)	80%
3. Tăng thời lượng TACN trong chương trình đào tạo	1 (6,7)	2 (13,3)	3 (20)	6 (40)	3 (20)	60%
4. Tổ chức nhiều hoạt động thực hành giao tiếp chuyên ngành (mô phỏng, đóng vai, hướng dẫn bài tập...)	0 (0)	0 (0)	1 (6,7)	5 (33,3)	9 (60)	93,3%

5. Tập huấn GV về PPGD TACN hiện đại	0 (0)	0 (0)	2 (13,3)	8 (53,3)	5 (33,3)	86,6%
6. Tăng cường học liệu nghe – nói chuyên ngành chất lượng cao	0 (0)	1 (6,7)	1 (6,7)	7 (46,7)	6 (40)	86,7%
7. Liên kết với CLB/sự kiện thể thao quốc tế để tạo môi trường sử dụng tiếng Anh thực tế	0 (0)	0 (0)	2 (13,3)	6 (40)	7 (46,7)	86,7%

Nhận xét: Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các giải pháp đều đạt mức đồng thuận cao từ 80% trở lên, đặc biệt giải pháp (1) “*Áp dụng phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ* và (4) *Tổ chức hoạt động thực hành giao tiếp*” được đánh giá rất cao (tỷ lệ đồng thuận trên 93%). Giải pháp (3) “*Tăng thời lượng TACN*” có tỷ lệ đồng thuận thấp hơn (60%), cho thấy vẫn còn sự phân vân về tính khả thi trong điều kiện chương trình đào tạo hiện nay. Các giải pháp còn lại (2, 5, 6, 7) có tỷ lệ đồng thuận từ 80%–87%, chứng tỏ được sự ủng hộ của đa số giảng viên, cán bộ quản lý và chuyên gia.

Như vậy, Các giải pháp đề xuất có tính khả thi và mức độ đồng thuận cao từ đội ngũ GV, cán bộ quản lý và chuyên gia. Trong đó, các giải pháp đổi mới PP dạy học dựa trên nhiệm vụ, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp, cũng như ứng dụng học liệu nghe – nói hiện đại và liên kết quốc tế được xem là ưu tiên hàng đầu. Tuy nhiên, việc tăng thời lượng TACN cần cân nhắc trong bối cảnh khung chương trình đào tạo.

3. Kết quả thực nghiệm

Sau khi phân tích thực trạng giảng TACN tại Trường Đại học TDTT Đà Nẵng, kết quả khảo sát từ 7 GV và 300 SV cho thấy tồn tại nhiều bất cập trong chương trình, phương pháp giảng dạy, tài liệu học tập. Đồng thời, cả GV và SV đều bày tỏ nhu cầu cấp thiết cần đổi mới PP và tăng tính thực tiễn chuyên ngành vào quá trình giảng dạy. Tác giả tiến hành thử nghiệm một số giải pháp đề đi đến kết luận chính xác về tính hiệu quả và khả thi của các giải pháp đã được đề xuất lựa chọn.

- Giả định từ dữ liệu thực nghiệm: có 2 nhóm SV, mỗi nhóm 60 SV, làm bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm.

- Nhóm thực nghiệm (TN): áp dụng PP *dạy học dựa trên nhiệm vụ*

- Nhóm đối chứng (ĐC): PP *dạy học truyền thống*

Sau 10 tuần áp dụng, kết quả thể hiện trong bảng 4.

Nhóm	Thời điểm	KẾT QUẢ							
		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
		n	%	n	%	n	%	n	%
Thực nghiệm	Trước TN	8	6,6	32	26,6	63	52,5	17	14,1
	Sau TN	29	24,1	65	54,1	19	15,8	7	5,8
Đối chứng	Trước TN	9	7,5	29	24,1	59	49,1	23	19,1
	Sau TN	13	10,8	43	35,8	52	43,4	12	10,0

Nhận xét: Kết quả thực nghiệm cho thấy sự khác biệt rõ rệt giữa hai PPGD. Ở nhóm thực nghiệm, nơi áp dụng PP *dạy học dựa trên nhiệm vụ*, tỉ lệ SV đạt loại Giỏi tăng từ 6,6% lên 24,1% và loại Khá tăng từ 26,6% lên 54,1%, trong khi tỉ lệ Trung bình và Yếu giảm mạnh (từ 52,5% xuống 15,8% và từ 14,1% xuống 5,8%). Điều này chứng tỏ phương pháp *dạy học*

dựa trên nhiệm vụ đã tạo môi trường học tập tích cực, phát huy tính chủ động của người học, qua đó nâng cao rõ rệt kết quả học tập. Ngược lại, ở nhóm đối chứng, nơi áp dụng PP *dạy học truyền thống*, kết quả có cải thiện nhưng mức thay đổi không lớn: tỉ lệ Giỏi chỉ tăng 3,3%, Khá tăng 11,7%, trong khi Trung bình và Yếu giảm lần lượt 5,7% và 9,1%. Điều này phản ánh hạn chế của phương pháp truyền thống trong việc khuyến khích SV tham gia tích cực, dẫn đến hiệu quả học tập không cao.

Như vậy, so sánh hai nhóm cho thấy PP *dạy học dựa trên nhiệm vụ* mang lại hiệu quả vượt trội so với PP *dạy học truyền thống*, thể hiện qua sự tiến bộ rõ rệt về kết quả học tập của sinh viên trong nhóm thực nghiệm.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, việc áp dụng PP *dạy học dựa trên nhiệm vụ* kết hợp với tài liệu tiếng Anh chuyên ngành thể thao là một giải pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng giảng dạy TACN tại Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng. Các giải pháp này không chỉ cải thiện đáng kể kết quả học tập của sinh viên, mà còn tăng mức độ hứng thú, tính chủ động và khả năng áp dụng kiến thức vào thực tế nghề nghiệp.

- Thực trạng cho thấy chương trình và phương pháp dạy hiện tại còn thiên về lý thuyết, thiếu hoạt động thực hành gắn với bối cảnh thể thao.

- Giải pháp đề xuất được cả SV và GV đánh giá cao, đặc biệt là các hoạt động học dựa trên nhiệm vụ, sử dụng tài liệu TACN phù hợp, và tăng cường môi trường thực hành.

- Kết quả thực nghiệm chứng minh rằng PP *dạy học dựa trên nhiệm vụ* mang lại hiệu quả vượt trội so với PP *dạy học truyền thống* về cả điểm số và năng lực giao tiếp chuyên ngành.

Do đó, nhà trường nên xem xét triển khai rộng rãi mô hình *dạy học dựa trên nhiệm vụ* – cho các học phần môn TACN, đồng thời tổ chức bồi dưỡng GV, phát triển hệ thống tài liệu và tạo điều kiện để SV được tham gia nhiều hoạt động trải nghiệm thực tiễn hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008). *Chương trình giáo dục đại học – Môn tiếng Anh chuyên ngành*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- [2]. Carless, D. (2007). The suitability of task-based approaches for secondary schools: Perspectives from Hong Kong. *System*, 35(4), 595–608.
- [3]. Ellis, R. (2003). *Task-based Language Learning and Teaching*. Oxford: Oxford University Press.
- [4]. Long, M. H. (2015). *Second Language Acquisition and Task-Based Language Teaching*. New York: Routledge.
- [5]. Nguyễn Văn Lợi (2015). Ứng dụng phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ trong giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, 31(3), 45–54.
- [6]. Nunan, D. (2004). *Task-Based Language Teaching*. Cambridge: Cambridge University Press.

Bài nộp ngày 15/7/2025, phản biện ngày 03/9/2025, duyệt in ngày 19/9/2025